

ITW Performance Polymers

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT MA420/MA420FS/MA920/MA1020 EU ACTIVATOR

PHẦN 1: Nhận dạng hóa chất và thông tin về nhà cung cấp

Mã phân loại sản phẩm theo GHS hoặc các nhận dạng khác của sản phẩm/hóa chất {Số CAS; số UN (nếu có); Số đăng ký EC (nếu có); Tên thương mại}

Tên sản phẩm MA420/MA420FS/MA920/MA1020 EU ACTIVATOR

Mã sản phẩm IT112, IT114

Mục đích sử dụng và hạn chế khi sử dụng

Mục đích sử dụng Chất kích hoạt.

Thông tin nhà cung cấp (nhập khẩu; sản xuất; phân phối): Tên; địa chỉ; số điện thoại...

Nhà cung cấp ITW Performance Polymers
Bay 150
Shannon Industrial Estate
Co. Clare
Ireland
V14 DF82
353(61)771500
353(61)471285
customerservice.shannon@itwpp.com

Số điện thoại liên hệ trong trường hợp khẩn cấp

Số điện thoại liên hệ trong trường hợp khẩn cấp +44(0)1235 239 670 (24h)

PHẦN 2: Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

Phân loại theo GHS và thông tin phân loại theo số liệu hợp lệ có sẵn của các quốc gia, khu vực, tổ chức thử nghiệm. (Ví dụ: EU, Mỹ, OSHA...)

Nguy hại vật chất Không phân loại.

Nguy cơ về sức khỏe Độc cấp tính loại 5 - H333 Kích ứng da loại 2 - H315 Kích ứng mắt loại 2A - H319 Tác nhân nhạy da loại 1 - H317

Nguy cơ về môi trường Mãn tính thủy sinh loại 3 - H412

Các yếu tố nhãn theo GHS (Cảnh báo nguy hiểm, hướng dẫn bảo quản, sử dụng..)

Hình đồ cảnh báo



Từ cảnh báo Cảnh báo

Cảnh báo nguy cơ H315 Gây kích ứng da.
H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.
H319 Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
H333 Có thể có hại nếu hít phải.
H412 Có hại đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.

MA420/MA420FS/MA920/MA1020 EU ACTIVATOR

Biện pháp phòng ngừa	<p>P210 Tránh nhiệt, bề mặt nóng, tia lửa, ngọn lửa trần và các nguồn phát lửa khác. Không hút thuốc.</p> <p>P261 Tránh hít hơi/ bụi nước.</p> <p>P280 Đeo găng tay/ quần áo/ kính/ mặt nạ bảo hộ.</p> <p>P302+P352 NẾU DÍNH VÀO DA: Rửa sạch với nhiều nước.</p> <p>P305+P351+P338 NẾU DÍNH VÀO MẮT: Rửa cẩn thận với nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng, nếu có và dễ tháo. Tiếp tục rửa.</p>
Bao gồm	BENZOYL PEROXIDE, EPOXY RESIN (Number average MW <= 700), p(BD/MMA/STY), Styrene-ethylene/butylene-styrene block copolymer

PHẦN 3: Thông tin về thành phần các chất**Hỗn hợp chất**

BENZOYL PEROXIDE	30-60%
Số CAS: 94-36-0	
Phân loại	
Peroxit hữu cơ loại B - H241	
Kích ứng mắt loại 2A - H319	
Tác nhân nhạy da loại 1 - H317	
EPOXY RESIN (Number average MW <= 700)	10-30%
Số CAS: 25068-38-6	
Phân loại	
Kích ứng da loại 2 - H315	
Kích ứng mắt loại 2A - H319	
Tác nhân nhạy da loại 1 - H317	
Mẫn tính thủy sinh loại 2 - H411	
p(BD/MMA/STY)	10-30%
Số CAS: 25053-09-2	
Phân loại	
Kích ứng da loại 2 - H315	
Kích ứng mắt loại 2A - H319	
Tác nhân nhạy da loại 1 - H317	
Styrene-ethylene/butylene-styrene block copolymer	5-10%
Số CAS: 66070-58-4	
Phân loại	
Không phân loại.	

Văn bản đầy đủ của tất cả các câu cảnh báo nguy hại được hiển thị ở Phần 16.

PHẦN 4: Biện pháp sơ cứu về y tế**Mô tả các biện pháp tương ứng với các đường phơi nhiễm**

Đường thở	<p>Đưa người bị ảnh hưởng ra nơi thoáng khí, giữ ấm và nghỉ ngơi ở tư thế thoải mái để hít thở.</p> <p>Tìm hỗ trợ y tế nếu sự khó chịu vẫn tiếp tục.</p>
------------------	--

MA420/MA420FS/MA920/MA1020 EU ACTIVATOR

Nuốt phải	Tìm hỗ trợ y tế ngay lập tức. Không cố nôn ra. Nếu bị nôn mửa, đầu phải được giữ thấp để chất nôn không chảy vào phổi.
Tiếp xúc với da	Cởi quần áo bị nhiễm hóa chất ngay lập tức và rửa da với xà phòng và nước. Tiếp tục rửa trong ít nhất 15 phút. Tìm hỗ trợ y tế nếu vẫn kích ứng sau khi rửa.
Tiếp xúc với mắt	Tháo kính áp tròng nếu có và mở to mắt. Tiếp tục rửa trong ít nhất 15 phút và tìm hỗ trợ y tế.
Các triệu chứng/tác hại nghiêm trọng tức thời và ảnh hưởng sau này	
Thông tin chung	Mức độ nghiêm trọng của các triệu chứng được mô tả sẽ khác nhau tùy thuộc vào nồng độ và thời gian tiếp xúc.

Các chỉ thị và hướng dẫn cấp cứu đặc biệt cần thiết

Ghi chú cho bác sĩ Điều trị theo triệu chứng.

PHẦN 5: Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

Các phương tiện chữa cháy thích hợp

Các phương tiện chữa cháy thích hợp Dập lửa với cacbon dioxit và bột khô. Không sử dụng bình xịt nước để dập lửa, vì việc này sẽ làm lan rộng đám cháy.

Các chất độc được sinh ra khi bị cháy

Những nguy hại cụ thể Phải sử dụng đồ bảo hộ khỏi bụi gây phiền toái khi nồng độ của nó trong không khí vượt quá 10 mg/m³. Oxit của cacbon. Oxit của nitơ.

Phương tiện, trang phục bảo hộ và cảnh báo cần thiết khi chữa cháy

Thiết bị bảo hộ đặc biệt cho lính cứu hỏa Đeo bình thở dưỡng khí oxy áp lực dương và mặc quần áo bảo hộ phù hợp.

PHẦN 6: Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố

Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố

Phòng ngừa đối với cá nhân Không hút thuốc, đánh lửa, lửa trần hoặc các nguồn cháy khác gần chỗ tràn đổ. Tránh hít phải hơi và tiếp xúc với da và mắt.

Các cảnh báo về môi trường

Phòng ngừa về môi trường Không xả thải vào ống thoát nước hoặc hệ thống nước hoặc trên mặt đất.

Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố

Các biện pháp vệ sinh Loại bỏ tất cả các nguồn phát lửa. Không hút thuốc, đánh lửa, lửa trần hoặc các nguồn cháy khác gần chỗ tràn đổ. Cung cấp hệ thống thông gió tốt. Hấp thụ chất tràn đổ với chất liệu hấp thụ không dễ cháy. Thu gom và đổ vào các thùng chứa chất thải phù hợp và niêm phong kín. Các thùng chứa chất bị tràn đổ phải được ghi nhãn đúng quy cách với thành phần chính xác và ký hiệu nguy hại.

Tham chiếu đến các phần khác

Tham chiếu đến các phần khác For waste disposal, see section 13.

PHẦN 7: Yêu cầu về sử dụng, bảo quản

Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm

Biện pháp phòng ngừa khi sử dụng Không để gần nguồn nhiệt, tia lửa và ngọn lửa trần. Tránh tiếp xúc với da và mắt.

Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản

MA420/MA420FS/MA920/MA1020 EU ACTIVATOR

Phòng ngừa khi lưu trữ Lưu trữ trong thùng chứa gốc ban đầu, đóng kín, ở nơi khô ráo, thoáng mát và thông gió tốt. Store in closed original container at temperatures between 0°C and 40°C. Không lưu trữ gần các chất liệu không tương thích (xem Phần 10).

Mục đích sử dụng cuối cùng

Mục đích sử dụng cuối cùng Các công dụng đã được xác định của sản phẩm này được trình bày trong Phần 1.

PHẦN 8: Kiểm soát phơi nhiễm/yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân

Kiểm soát phơi nhiễm

Thiết bị bảo hộ



Các biện pháp kiểm soát thiết bị phù hợp Cung cấp đầy đủ hệ thống thông gió chung và quạt hút thông gió khu vực. Xem tất cả các giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp của sản phẩm hoặc của các thành phần.

Bảo hộ mắt/mặt

Đeo kính chống hóa chất bắn tóe. Phải đeo thiết bị bảo hộ cá nhân cung cấp sự bảo vệ mắt và mặt phù hợp.

Bảo hộ tay

Phải đeo găng tay chống hóa chất, chống thấm tuân theo tiêu chuẩn đã được phê duyệt nếu đánh giá rủi ro cho thấy việc tiếp xúc với da có thể xảy ra. Loại găng tay thích hợp nhất nên được lựa chọn sau khi tham vấn với nhà cung cấp/nhà sản xuất găng tay, những người có thể cung cấp thông tin về thời gian thấm thấu của chất liệu làm găng. Găng tay được lựa chọn phải có thời gian thấm thấu ít nhất 8 giờ. Để bảo vệ tay khỏi hóa chất, đeo găng tay đã được chứng minh là kháng hóa chất và chống ăn mòn.

Bảo hộ khác cho da và cơ thể Mặc bộ bảo hộ hóa chất.

Biện pháp vệ sinh cá nhân

Cung cấp nơi để rửa mắt và tắm. Không có quy trình vệ sinh cụ thể nào được khuyến nghị nhưng việc thực hiện vệ sinh cá nhân phải luôn được thực hiện khi làm việc với các sản phẩm hóa chất.

Bảo vệ đường hô hấp

Nếu hệ thống thông gió kém, phải đeo thiết bị bảo hộ hô hấp phù hợp. Việc lựa chọn mặt nạ phải dựa trên mức độ phơi nhiễm, nguy hại của sản phẩm và giới hạn an toàn nơi làm việc của mặt nạ được chọn lựa. Đeo mặt nạ hợp với bộ lọc sau: Bộ lọc hơi hữu cơ. Phải sử dụng mặt nạ hô hấp nửa mặt và một phần tư mặt với hộp lọc có thể thay thế được phù hợp với mục đích sử dụng.

PHẦN 9: Đặc tính lý, hóa của hóa chất

Thông tin về tính chất lý, hóa cơ bản của hóa chất

Bề ngoài	Chất lỏng nhớt.
Mùi đặc trưng	Mùi nhẹ.
Điểm nóng chảy	Không xác định.
Điểm sôi ban đầu và khoảng sôi	Không xác định.
Điểm cháy	Không xác định.
Giới hạn cháy, nổ trên/dưới	Không xác định.
Áp suất hóa hơi	Không xác định.
Tỷ trọng hơi	Không xác định.
Tỷ trọng tương đối	1.0-1.25 @ °C

MA420/MA420FS/MA920/MA1020 EU ACTIVATOR

Độ hòa tan trong nước Ít tan trong nước.

Nhiệt độ tự cháy Không xác định.

Thông tin khác

Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi Sản phẩm này chứa hàm lượng VOC tối đa là <50 g/litre.

PHẦN 10: Mức độ ổn định và phản ứng của hóa chất

Khả năng phản ứng Các chất liệu sau có thể phản ứng mãnh liệt với sản phẩm này: Chất oxy hóa mạnh.

Tính ổn định Không bền.

Khả năng phản ứng nguy hiểm Chưa biết.

Các điều kiện cần tránh Tránh nhiệt. Tránh tiếp xúc với các chất liệu sau: Chất oxy hóa mạnh. Tránh tiếp xúc với axit và kiềm.

Các vật liệu cần tránh Kiềm mạnh. Chất oxy hóa mạnh. Axit mạnh.

PHẦN 11: Thông tin về độc tính**Thông tin về tác động của độc tính****Độc cấp tính - qua hô hấp**

Dự đoán độ độc cấp tính qua đường hô hấp (khí ppmV) 50.000,0

Dự đoán độ độc cấp tính qua đường hô hấp (hơi mg/l) 122,22

Dự đoán độ độc cấp tính qua đường hô hấp (bụi/sương mg/l) 16,67

Đường thở Gây kích ứng hệ hô hấp. Hơi này có thể gây kích ứng cho họng/hệ hô hấp. Một lần phơi nhiễm đơn có thể gây ra các tác hại sau: Ho. Khó thở.

Tiêu hóa Có thể tổn thương nội tạng. Nuốt phải có thể gây kích ứng miệng, thực quản và đường tiêu hóa trầm trọng. Nhưng triệu chứng về tiêu hóa, bao gồm việc dạ dày thấy khó chịu.

Tiếp xúc với da Gây kích ứng da. Tiếp xúc kéo dài và thường xuyên có thể gây mẩn đỏ và kích ứng. May cause sensitisation by skin contact.

Tiếp xúc với mắt Gây kích ứng cho mắt. Phơi nhiễm lặp lại có thể gây kích ứng mắt mãn tính.

Nguy hại sức khỏe cấp tính và mãn tính Sản phẩm chứa nhựa epoxy. Có thể gây mẫn cảm hoặc phản ứng dị ứng ở những người mẫn cảm.

Đường phơi nhiễm Qua đường thở Ingestion. Tiếp xúc với da và/hoặc mắt

Cơ quan cụ thể Mắt Da Hệ hô hấp, phổi

Thông tin về độc tính của các thành phần**BENZOYL PEROXIDE****Độc cấp tính - qua đường miệng**

MA420/MA420FS/MA920/MA1020 EU ACTIVATOR

Độ độc cấp tính qua đường miệng (LD₅₀ mg/kg) 7.710,0

Các loài Chuột cống

Dự đoán độ độc cấp tính qua đường miệng (mg/kg) 7.710,0

PHẦN 12: Thông tin về sinh thái

Độc tính môi sinh Sản phẩm này chứa một chất có hại đối với sinh vật thủy sinh và do đó có thể gây ra tác hại lâu dài cho môi trường thủy sinh.

Độc tính Không xác định.

Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy

Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy Chưa biết tính phân hủy của sản phẩm này.

Khả năng tích lũy sinh học

Khả năng tích lũy sinh học Không xác định.

Độ linh động trong đất

Độ linh động Sản phẩm này không thể trộn lẫn với nước và có thể lan rộng trong hệ thống nước.

Các tác hại khác

Các tác hại khác Chưa biết.

PHẦN 13: Thông tin về thải bỏ**Các biện pháp xử lý chất thải**

Thông tin chung Chất thải phải được xử lý như chất thải được kiểm soát. Thải bỏ chất thải ở khu xử lý chất thải có giấy phép theo yêu cầu của Cơ quan Xử lý Chất thải địa phương.

Các phương pháp thải bỏ Thải bỏ chất thải ở khu xử lý chất thải có giấy phép theo yêu cầu của Cơ quan Xử lý Chất thải địa phương.

PHẦN 14: Thông tin khi vận chuyển

Chung Các quy định quốc tế về việc vận chuyển hàng nguy hiểm không bao gồm sản phẩm này (IMDG, IATA, đường bộ/đường sắt).

SỐ UN

Không áp dụng.

Tên phương tiện vận chuyển đường biển

Không áp dụng.

Loại nhóm hàng nguy hiểm trong vận chuyển**Nhãn vận chuyển**

Không có dấu hiệu cảnh báo vận chuyển nào được yêu cầu.

Quy cách đóng gói (nếu có)

Không áp dụng.

Độc môi trường (chất ô nhiễm đại dương)

MA420/MA420FS/MA920/MA1020 EU ACTIVATOR**Chất gây nguy hại cho môi trường/ chất ô nhiễm thủy sinh**

Không.

Những cảnh báo đặc biệt mà người sử dụng cần lưu ý, cần tuân thủ trong vận chuyển.

Không áp dụng.

Vận chuyển trong tàu lớn Không áp dụng.**PHẦN 15: Thông tin về pháp luật****PHẦN 16: Các thông tin cần thiết khác, bao gồm các thông tin khi xây dựng và hiệu đính Phiếu an toàn hóa chất****Ngày sửa đổi** 12/03/2021**Sửa đổi** 9**Ngày thay thế** 05/04/2018

Câu cảnh báo nguy hại đầy đủ H241 Gia nhiệt có thể gây cháy hoặc nổ.
 H315 Gây kích ứng da.
 H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.
 H319 Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
 H332 Có hại nếu hít phải.
 H333 Có thể có hại nếu hít phải.
 H411 Độc đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.
 H412 Có hại đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.

Thông tin này chỉ áp dụng cho chất liệu cụ thể được ghi rõ và có thể vô giá trị khi chất liệu này được sử dụng kết hợp với chất liệu khác hoặc trong quá trình khác. Thông tin này, dựa trên kiến thức tốt nhất và niềm tin của công ty, là chính xác và đáng tin cậy kể từ ngày được ghi. Tuy nhiên, không có bảo đảm hoặc tuyên bố chính thức nào về tính chính xác, độ tin cậy hoặc tính trọn vẹn của thông tin. người sử dụng tự có trách nhiệm trong việc sử dụng thông tin phù hợp với yêu cầu sử dụng riêng của bản thân.